

Bản án số: 90/2025/HS-PT
Ngày: 31/5/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Minh Long

Các Thẩm phán: Ông Lê Tự Sinh

Ông Bùi Trọng Danh

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Hồng Lĩnh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Mỹ Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 48/2025/TLPT-HS ngày 18 tháng 03 năm 2025 đối với bị cáo Trần Đình T, Võ Bình D do có kháng cáo của các bị cáo Trần Đình T, Võ Bình D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Hồ Thị Bích V đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 11/2025/HSST ngày 11 tháng 02 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

Bị cáo kháng cáo:

1. TRẦN ĐÌNH T, sinh ngày xx/xx/19xx tại tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là thành phố Huế); nơi ĐKNKTT: Tổ A, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng; số CCCD: 04608800xxxx, cấp ngày: 11/6/2023; nghề nghiệp: Phóng viên; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần H (đã chết) và bà Văn Thị H1 (còn sống); đã có vợ và 02 con (con lớn sinh năm 2016, nhỏ nhất sinh năm 2022); tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 25/4/2024, hiện đang bị tạm giam. Có mặt tại phiên tòa.

2. VÕ BÌNH D, sinh ngày xx/xx/19xx tại tỉnh Nghệ An; nơi ĐKNKTT: Thôn P, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng; Chỗ ở: Số A đường B, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng; số CCCD: 04008904xxxx, cấp ngày: 22/12/2021; nghề nghiệp: Phóng viên; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Văn H2 (còn sống) và bà Phạm Thị L (còn sống); đã có vợ và 02 con (con lớn sinh năm 2021, con nhỏ sinh năm 2024); tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 25/4/2024, hiện đang bị tạm giam. Có mặt tại phiên tòa.

* *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có kháng cáo:* Bà **Hồ Thị Bích V**, sinh năm 1988; nơi cư trú: Tổ A, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

* *Người bào chữa cho bị cáo Trần Đình T:* Luật sư **Hồ Thị Thúy K**, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Đ. Có mặt.

* *Bị hại:* Ông **Đỗ T1**, sinh năm 1974; nơi cư trú: Thôn Đ, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào tháng 3 năm 2024, Trần Đình T và Võ Bình D là phóng viên đến tác nghiệp tại đường Vành Đai (đoạn đi qua xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng) ghi nhận quá trình vận chuyển đất của các xe tải vận chuyển. Trong lúc tác nghiệp thì anh Nghiêm Thanh T2 (làm việc cho ông Đỗ T1, quản lý xe tải cho các công trình) phát hiện nên đến xin số điện thoại để thuận tiện liên hệ thì T đồng ý cho. Sau khi có được số điện thoại, T2 đưa cho ông Đỗ T1 là chủ các xe ô tô tải vận chuyển đất. Sau đó, ông T1 liên hệ với nhiều người, trong đó có Lê Nhân T3 thì T3 cho biết T và D là những người theo dõi nêu trên. Nên ông T1 nhờ T3 hẹn uống cà phê với T tại khu vực Trung tâm hành chính huyện, T và D đồng ý. Tại quán cà phê, T và D giới thiệu với ông T1 rằng mình là phóng viên nhà báo và cũng biết ông T1 là người quản lý các xe tải chở đất nêu trên. Quá trình nói chuyện với nhau, ông T1 có đưa cho T và D số tiền 10.000.000 đồng với mục đích để T và D không đăng bài về việc chở đất tại đường V. Khoảng 01 tuần sau đó, Lê Nhân T3 hẹn gặp ông T1 tại quán cà phê gần chợ T4. Tại đây, T3 nói với ông T1 có thân quen với T và D, đồng thời cho ông T1 biết việc T và D muốn viết bài đăng về sai phạm của T1 trong việc vận chuyển đất. Trong thời gian trò chuyện, ông T1 tự nguyện chuyển cho T3 5.000.000 đồng để T3 mua sữa cho con và 3.000.000 đồng để T3 đưa cho T và D.

Đến tháng 4 năm 2024, ông T1 tiếp tục nhận thầu việc đổ đất thải cho công trình cao tốc H - T. T, D và T3 tiếp tục phát hiện việc vận chuyển đồ đất thải của ông T1 có dấu hiệu sai phạm nên đến hiện trường để tác nghiệp quay phim, chụp ảnh. Biết được việc này nên ông T1 đã gọi điện thoại cho T và D nhưng không nghe máy, ông T1 liền gọi cho T3 nhờ T3 liên hệ với T và D. Sau đó, T3 nhắn tin vào nhóm Zalo chung của T3 – D - T với nội dung “Đừng làm chỗ T1 nữa, để T1 mời uống nước”, “Giờ sao hè”. Thấy vậy thì T nhắn vào tin của nhóm đưa ra đề nghị “Đỗ T1 phải ký 03 hợp đồng quảng cáo cho T – D – T3, mỗi hợp đồng 50.000.000 đồng” thì T3 và D đồng ý đề nghị này và cả ba đồng ý để T3 liên hệ với ông T1. Tại nhà ông Nguyễn Ngọc P, Lê Nhân T3 thông báo T và D yêu cầu ông T1 phải đưa 50.000.000 đồng cho mỗi người, đồng thời T3 nói sẽ đứng vào “một chân” để được T và D chia trong số tiền 100.000.000 đồng, khi nào nhận được tiền T3 sẽ trả lại cho

ông T1. Nghe vậy, ông T1 đồng ý với T3 và hẹn gặp T, D. Sau khi nói chuyện với ông T1, T3 nhắn lại nhóm Zalo chung rằng “Không làm hợp đồng nữa, T1 chỉ đồng ý đưa 100.000.000 đồng” cho 03 người chia nhau, thấy vậy thì T và D liền đồng ý. Sau đó, cả 03 xóa nhóm Zalo của 03 người.

Ngày 23/4/2024, ông Đỗ T1, Lê Nhâm T3, Trần Đình T và Võ Bình D cùng một số người khác đến nhậu tại quán N1 trên đường Đ, thành phố Đà Nẵng. Tại đây, ông T1 hẹn ngày 24/4/2024 sẽ đưa tiền. Quá trình nhậu thì D yêu cầu ông T1 ký thêm hợp đồng quảng cáo trị giá 20.000.000 đồng, vì lo sợ nên ông T1 liền đồng ý. Qua hôm sau, T3 nói với T vài ngày tới có bận việc, nếu ông T1 hẹn gặp thì T và D cứ gặp.

Đến ngày 25/4/2024, ông T1 gọi điện hẹn gặp T tại quán C ở thôn T, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng để giao tiền, đồng thời tố cáo hành vi của T và D đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H. Sau khi nghe điện thoại của ông T1, T gọi điện thông báo với D để đi cùng với T đến gặp ông T1 nhận tiền. T sử dụng xe ô tô BKS: 43A- 6xx.86 chở theo D đi từ nhà T đến quán cà phê K1 gặp ông T1. Ngồi nói chuyện được một lúc thì ông T1 đi ra xe ô tô lấy một túi ni lông màu xanh bên trong có số tiền 120.000.000 đồng vào đưa cho T thì T hỏi ông T1 tại sao đưa 120.000.000 đồng, ông T1 trả lời đưa để T xử lý luôn hợp đồng quảng cáo nhằm hợp thức hóa số tiền trên. Sau khi nhận tiền, T và D cầm theo túi ni lông đựng 120.000.000 đồng đi ra khỏi quán thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H bắt phạm tội quả tang.

Tang vật tạm giữ khi bắt quả tang của Trần Đình T gồm:

- 01 túi xách màu đen bên trong là bộ flycam mini 2 gồm: 01 flycam Mini 2 màu xám; 01 bộ điều khiển từ xa màu xám; 01 bộ nguồn màu xám.

- 01 ví da màu đen bên trong có: 01 thẻ nhà báo mang tên Trần Đình T của Báo Nhà báo và Công luận; 01 thẻ nhà báo mang tên Trần Đình T của B; 01 CCCD mang tên Trần Đình T, số CCCD: 04608800xxxx; 01 giấy phép lái xe hạng A1 mang tên Trần Đình T; 01 giấy phép lái xe hạng B2 mang tên Trần Đình T; 01 giấy đăng ký xe ô tô BKS: 43A – 6xx.86; 01 thẻ ngân hàng VP bank số 970432081085xxxx; 01 thẻ ngân hàng Techcombank số 970407999987xxxx.

- 02 sổ ghi chép (màu xám và màu tím) cùng nhiều bìa nhựa chứa nhiều giấy tờ khác có liên quan của đối tượng.

- 01 xe ô tô KONA màu đen BKS: 43A-6xx.86.

- 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy S24 Ultra, màu xám, số IMEI 1: 350518490945224, số IMEI 2: 355338500945220, gắn sim số 0905.xxx.116.

- 01 túi ni lông màu xanh bên trong có 03 cọc tiền mệnh giá 500.000 đồng, tổng số tiền là 120.000.000 đồng.

Tang vật tạm giữ khi bắt quả tang của Võ Bình D gồm:

- 01 balô màu xám bên trong có:
- + 01 bộ máy flycam Mini SE gồm: 01 flycam Mini SE màu xám; 01 bộ điều khiển từ xa màu đen; 01 bộ nguồn sạc pin màu trắng.
- + 01 ví da màu nâu bên trong có: 01 giấy phép lái xe hạng A1 mang tên Võ Bình D; 01 giấy phép lái xe hạng B2 mang tên Võ Bình D; 01 thẻ ngân hàng MB số 484803014444xxxx; 01 thẻ ngân hàng V1 số 520399674077xxxx.
- + 01 Macbook Air màu xám.
- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 12 Pro, màu vàng, số IMEI: 356686113242891, gắn sim số: 0981.xxx.234, 0327.xxx.698.
- 01 điện thoại di động hiệu Samsung galaxy note 8, màu đen, số IMEI: 358501081740958, gắn sim số: 0854.xxx.431

Ông Đỗ T1 giao nộp: 01 USB hiệu Kingston màu xám, dung lượng 4GB, bên trong lưu 03 folder: “Nhâm T3” chứa 05 đoạn video, “T” chứa 03 đoạn video, “D” chứa 02 đoạn video.

Trong quá trình điều tra, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H đã trả lại số tiền 120.000.000 đồng cho ông Đỗ T1 .

Tại Bản án sơ thẩm số 11/2025/HSST ngày 11/02/2025 của Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng đã quyết định:

- Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 170; điểm c, g khoản 1 Điều 52; điểm s, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt: Bị cáo Trần Đình T 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày 25/4/2024.

- Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 170; điểm c, g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt: Bị cáo Võ Bình D 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày 25/4/2024.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước 1/2 giá trị xe ô tô nhãn hiệu Huyndai Kona màu đen BKS: 43A–6xx.86 (kèm theo giấy đăng ký xe).

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về phần tội danh và hình phạt đối với bị cáo Lê Nhâm T3, xử lý vật chứng khác, án phí và thông báo về quyền kháng cáo bản án.

- Ngày 18/02/2025, bị cáo Trần Đình T có đơn kháng cáo với nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm nhận định chưa đúng vai trò phạm tội của từng bị cáo trong vụ án, chưa làm rõ một số tình tiết quan trọng của vụ án; đề nghị hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, trả hồ sơ điều tra bổ sung, xem xét các tình tiết trong vụ án nhằm tuyên phạt mức án thấp hơn cấp sơ thẩm.

- Ngày 18/02/2025, bị cáo Võ Bình D có đơn kháng cáo với nội dung: Mức án Tòa án cấp sơ thẩm tuyên là quá nặng; chưa đánh giá đúng vai trò phạm tội của từng bị cáo trong vụ án, chưa làm rõ một số tình tiết quan trọng của vụ án; đề nghị hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, trả hồ sơ điều tra bổ sung, xem xét các tình tiết trong vụ án nhằm tuyên phạt mức án thấp hơn cấp sơ thẩm.

- Ngày 24/02/2025, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Hồ Thị Bích V có đơn kháng cáo với nội dung: Đề nghị tuyên trả lại cho bà Hồ Thị Bích V và bị cáo Trần Đình T toàn bộ xe ô tô nhãn hiệu Hyundai Kona màu đen BKS: 43A-6xx.86.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Các bị cáo Trần Đình T và Võ Bình D thay đổi nội dung kháng cáo, thừa nhận hành vi phạm tội và tội danh mà Tòa án cấp sơ thẩm đã kết luận là đúng, không đề nghị hủy án để điều tra xét xử lại mà chỉ đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm đánh giá đúng tính chất của vụ án, vai trò phạm tội của từng bị cáo, số tiền thực tế mà các bị cáo đe dọa để chiếm đoạt của bị hại, qua đó xin giảm nhẹ hình phạt để sớm trở về với gia đình và xã hội; riêng bị cáo T còn đề nghị xem xét không tịch thu 1/2 giá trị chiếc xe ô tô BKS: 43A-6xx.86 vì cho rằng đây là tài sản chung của vợ chồng, bị cáo chỉ sử dụng để đi lại trong quá trình tác nghiệp, không phải là công cụ phương tiện phạm tội do việc nhận tiền diễn ra ở quán cà phê và khi các bị cáo chuẩn bị mở cửa xe để rời đi thì đã bị bắt giữ, đề nghị trả lại cho vợ chồng bị cáo chiếc xe ô tô nói trên.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Hồ Thị Bích V giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo, khai chiếc xe ô tô nhãn hiệu Hyundai Kona màu đen BKS: 43A-6xx.86 là tài sản chung của vợ chồng vay mượn Ngân hàng và người thân để mua, bà không biết việc bị cáo T thực hiện hành vi phạm tội và theo bà đây không phải là công cụ phương tiện phạm tội của vụ án. Bà V đề nghị Hội đồng xét xử xem xét trả lại tài sản cho bà và bị cáo Trần Đình T quản lý sử dụng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng có quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau: Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo Trần Đình T, Võ Bình D về tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 170 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật. Tuy nhiên, xét số tiền các bị cáo cưỡng đoạt không lớn, đã được thu hồi trả cho bị hại; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo; tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo thành khẩn khai báo, thừa nhận hành vi phạm tội, đã tác động gia đình nộp tiền án phí của bản án sơ thẩm, thể hiện thái độ ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; hoàn cảnh gia đình các bị cáo có nhiều khó khăn, đều là lao động chính nuôi con chưa thành niên, được chính quyền địa phương xác nhận. Bị cáo T có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, bị cáo D có 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự và các bị cáo

có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; mức án mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên đối với các bị cáo là có phần nghiêm khắc, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giảm cho mỗi bị cáo 06 tháng tù, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

Về kháng cáo của bà Hồ Thị Bích V và đề nghị của bị cáo Trần Đình T liên quan đến chiếc xe ô tô nhãn hiệu Hyundai Kona màu đen BKS: 43A-6xx.86, đại diện Viện kiểm sát cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm tuyên tịch thu 1/2 giá trị của xe ô tô nói trên là phù hợp với quy định tại Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự và phù hợp với hướng dẫn tại Công văn 2610/VKSNDTC-V14 ngày 05 tháng 6 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao, nên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bà V và đề nghị của bị cáo T, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm về việc xử lý vật chứng liên quan đến chiếc xe ô tô nói trên.

- Quan điểm bào chữa của Luật sư Hồ Thị Thúy K cho bị cáo Trần Đình T cho rằng ở lần nhận tiền thứ nhất (số tiền 10.000.000 đồng) chưa có đủ yếu tố cấu thành tội Cường đoạt tài sản, lần này là do ông Đỗ T1 tự nguyện bồi dưỡng chứ các bị cáo không đe dọa dùng vũ lực hay có thủ đoạn nào khác; ở lần nhận tiền thứ hai thì bị cáo T3 là người trực tiếp giao dịch, nhận tiền và do ông T1 tự nguyện cho tiền chứ không có dấu hiệu đe dọa; ở lần thứ ba số tiền các bị cáo thống nhất nhận của ông T1 là 100.000.000 đồng chứ không phải 120.000.000 đồng, số tiền 20.000.000 đồng chênh lệch là do bị cáo D tự ý yêu cầu ông T1 đưa thêm mà không trao đổi với bị cáo T nên mới có sự việc khi nhận tiền thì bị cáo T có hỏi ông T1 vì sao lại là 120.000.000 đồng; tại cơ quan nơi công tác, các bị cáo không có chức vụ gì mà chỉ hoạt động nghề nghiệp phóng viên nên Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội 02 lần trở lên” và “Lợi dụng chức vụ quyền hạn để phạm tội” theo điểm c, g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo T và D. Luật sư cũng cho rằng việc Tòa án cấp sơ thẩm đánh giá bị cáo T giữ vai trò cao nhất trong vụ án là chưa chính xác do mức độ tham gia của bị cáo là thấp và chưa quyết liệt; đề nghị xem xét đến nhân thân, điều kiện hoàn cảnh gia đình, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà các bị cáo được hưởng, cân nhắc việc thực tế các bị cáo chưa chiếm đoạt được tiền của bị hại; từ đó Luật sư đề nghị chấp nhận kháng cáo của bị cáo T, áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự giảm nhẹ và xử phạt bị cáo T mức án thấp nhất dưới khung hình phạt bị truy tố xét xử. Đối với đề nghị của bị cáo T và bà V về việc trả lại chiếc xe ô tô nhãn hiệu Hyundai Kona màu đen BKS: 43A-6xx.86 thì đây là tài sản chung của vợ chồng bị cáo được hình thành từ nhiều nguồn khác nhau như tiền tiết kiệm, vay mượn Ngân hàng và người thân để mua, là phương tiện đi lại chung của gia đình, bị cáo chỉ sử dụng làm phương tiện đi lại thông thường, không có tác dụng trợ giúp để cưỡng đoạt tài sản nên không phải là công cụ phạm tội; do đó Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử tuyên trả lại xe ô tô nói trên cho vợ chồng bị cáo sử dụng.

Nói lời nói sau cùng, các bị cáo xin Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt để có cơ hội sớm trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử nhận định như sau: Lợi dụng công việc là phóng viên trong quá trình tác nghiệp tại đường Vành Đai (đoạn đi qua xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng) ghi nhận có sai phạm trong quá trình vận chuyển đất của các xe tải; bị cáo Trần Đình T và Võ Bình D đã cấu kết với bị cáo Lê Nhâm T3 sử dụng các thông tin, hình ảnh ghi nhận sai phạm trong hoạt động vận chuyển đất của các xe tải do ông Đỗ T1 làm chủ để đe dọa đăng bài gây cản trở, ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của ông T1 nhằm mục đích yêu cầu ông T1 phải đưa tiền.

Với thủ đoạn như trên, các bị cáo Trần Đình T, Võ Bình D và Lê Nhâm T3 đã 03 lần nhận tiền của ông Đỗ T1:

Lần 1: Ông T1 đưa cho T và D 10.000.000 đồng tại quán cà phê gần khu vực Trung tâm hành chính huyện H.

Lần 2: Lê Nhâm T3 hẹn gặp ông T1 tại quán cà phê gần chợ T4; tại đây, T3 nói với ông T1 biết có thân quen với T và D, đồng thời cho ông T1 biết việc T và D muốn viết bài đăng về sai phạm của T1 trong việc vận chuyển đất. Trong thời gian trò chuyện, ông T1 tự nguyện chuyển cho T3 5.000.000 đồng để T3 mua sữa cho con và 3.000.000 đồng để T3 đưa cho T và D. (Lần này Viện kiểm sát không truy cứu trách nhiệm hình sự các bị cáo).

Lần 3: Ngày 25/4/2024, T và D nhận của ông T1 số tiền 120.000.000 đồng tại quán C ở thôn T, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H bắt phạm tội quả tang.

Với hành vi như trên, tại Bản án số 11/2025/HS-ST ngày 11/02/2025, Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng đã xét xử các bị cáo Trần Đình T, Võ Bình D và Lê Nhâm T3 đồng phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 170 Bộ luật Hình sự với tình tiết định khung “Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng” và áp dụng thêm các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội 02 lần trở lên” và “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để phạm tội” theo điểm c, g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật. Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không chấp nhận quan điểm của Luật sư về việc đề nghị không áp dụng các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo điểm c, g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo T và D.

Xét thấy hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, làm xấu đi hình ảnh của những người làm nghề báo chí, phóng viên chân chính, ảnh hưởng đến uy tín của tòa soạn nơi các

bị cáo công tác; gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an, an toàn xã hội của địa phương; do đó cần xử lý để cải tạo giáo dục các bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung.

[2] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy: Ở lần nhận tiền thứ nhất (số tiền 10.000.000 đồng), dấu hiệu định tội đe dọa dùng vũ lực hoặc dùng thủ đoạn khác để chiếm đoạt của các bị cáo là mờ nhạt; ở lần nhận tiền thứ hai, theo lời khai của ông T1, tại kết luận của bản cáo trạng và tại phiên tòa sơ thẩm là do ông T1 tự nguyện cho T3 5.000.000 đồng để T3 mua sữa cho con và 3.000.000 đồng để T3 đưa cho T và D (lần này không bị truy cứu trách nhiệm hình sự); ở lần nhận tiền thứ ba (số tiền 120.000.000 đồng) thì diễn biến như sau: T nhấn tin vào nhóm đưa ra đề nghị “Đỗ T1 phải ký 03 hợp đồng quảng cáo cho T – D – T3, mỗi hợp đồng 50.000.000 đồng” thì T3 và D đồng ý và thống nhất để T3 liên hệ với ông T1. Tại nhà ông Nguyễn Ngọc P, Lê Nhâm T3 thông báo T và D yêu cầu ông T1 phải đưa 50.000.000 đồng cho mỗi người, đồng thời T3 nói sẽ đứng vào “một chân” để được T và D chia trong số tiền 100.000.000 đồng, khi nào nhận được tiền T3 sẽ trả lại cho ông T1, ông T1 đồng ý với T3 và hẹn gặp T, D. Sau khi nói chuyện với ông T1, T3 nhắn lại nhóm Z chung rằng “Không làm hợp đồng nữa, T1 chỉ đồng ý đưa 100.000.000 đồng” cho 03 người chia nhau, thì T và D đồng ý; riêng số tiền 20.000.000 đồng ngày 23/4/2024, trong quá trình ăn nhậu tại quán N1 trên đường Đ, thành phố Đà Nẵng, bị cáo Võ Bình D tự yêu cầu ông T1 ký thêm hợp đồng quảng cáo trị giá 20.000.000 đồng mà không thông qua ý kiến của T và T3, vì vậy có sự kiện khi nhận tiền vào ngày 25/4/2024 T có hỏi ông T1 tại sao đưa 120.000.000 đồng, ông T1 trả lời đưa để T xử lý luôn hợp đồng quảng cáo nhằm hợp thức hóa số tiền trên; tình tiết này chưa được Tòa án cấp sơ thẩm làm rõ để phân hóa mức độ phạm tội, vai trò đồng phạm và cá thể hóa hình phạt của từng bị cáo là chưa đánh giá toàn diện. Bên cạnh đó, sau khi phạm tội và bị bắt quả tang, trong quá trình tố tụng từ điều tra đến xét xử sơ thẩm các bị cáo đều nhận tội và thành khẩn khai báo; sau khi xét xử sơ thẩm các bị cáo kháng cáo đề nghị hủy án để điều tra lại nhưng tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo đã nhận thức được hành vi phạm tội của mình, không tiếp tục đề nghị hủy án mà chỉ đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm đánh giá đúng tính chất của vụ án, vai trò phạm tội của từng bị cáo, số tiền thực tế quy kết các bị cáo đe dọa để chiếm đoạt của bị hại để có mức hình phạt phù hợp; đồng thời tác động gia đình nộp tiền án phí của bản án sơ thẩm đã thể hiện thái độ thật sự ăn năn hối cải cần được ghi nhận cho các bị cáo. Về nhân thân thì các bị cáo đều là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, lần đầu vi phạm pháp luật hình sự; đều là lao động chính trong gia đình nuôi 02 con chưa thành niên được chính quyền địa phương xác nhận; bị cáo Trần Đình T có vợ tham gia công tác tại Quân đảo Trường sa được Quân chủng Hải quân tặng thưởng danh hiệu Chiến sĩ Trường sa, có bố mẹ vợ được Bộ trưởng Bộ Giáo dục tặng thưởng Kỷ niệm chương vì sự nghiệp giáo

dục; bị cáo Võ Bình D trong công tác đã hoàn thành tốt nhiệm vụ được tặng thưởng giấy khen, có cha ruột và bà nội có công cách mạng được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Nhất, hạng Nhì, có mẹ ruột được Bộ trưởng Bộ Giáo dục tặng kỷ niệm chương vì sự nghiệp giáo dục là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Trong quá trình công tác, bị cáo Trần Đình T có thành tích xuất sắc được tặng thưởng giấy khen, bằng khen, đây là tình tiết giảm nhẹ theo điểm v khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Do đó, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm nhận thấy mức hình phạt 04 năm 06 tháng tù Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên đối với mỗi bị cáo là có phần nghiêm khắc, có căn cứ để chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo và chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, giảm cho các bị cáo một phần hình phạt thể hiện chính sách nhân đạo, khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội lần đầu, khai báo thành khẩn.

[3] Xét kháng cáo của người liên quan là bà Hồ Thị Bích V và đề nghị của bị cáo T liên quan đến việc xử lý chiếc xe ô tô nhãn hiệu Hyundai Kona màu đen, BKS: 43A – 6xx.86, Hội đồng xét xử nhận thấy: Tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án thể hiện, chiếc xe nói trên là tài sản chung của vợ chồng bị cáo T và bà V, được hình thành trong thời kỳ hôn nhân từ nhiều nguồn tiền khác nhau như tiền tiết kiệm của vợ chồng, tiền vay Ngân hàng và tiền cha mẹ hai bên cho tặng; trước khi bị cáo T thực hiện hành vi phạm tội trong vụ án này thì xe ô tô nói trên là phương tiện đi lại chung của gia đình; trong vụ án này các công cụ phương tiện mà bị cáo T sử dụng để thu thập thông tin, ghi hình và liên lạc có liên quan trực tiếp đến hành vi “Đe dọa dùng vũ lực hoặc thủ đoạn khác uy hiếp tinh thần nhằm chiếm đoạt tài sản” gồm: 01 điện thoại di động hiệu Samsung galaxy S24 Ultra, màu xám; 01 túi xách màu đen bên trong là bộ flycam mini 2 gồm: 01 flycam Mini 2 màu xám, 01 bộ điều khiển từ xa màu xám, 01 bộ nguồn màu xám đã được Tòa án cấp sơ thẩm xác định là công cụ phương tiện phạm tội và tuyên tịch thu sung công quỹ nhà nước là có cơ sở, đúng pháp luật; riêng chiếc xe ô tô nhãn hiệu Hyundai Kona màu đen, BKS: 43A–6xx.86, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm nhận thấy đây không phải là công cụ phương tiện liên quan trực tiếp đến hành vi phạm tội Cường đoạt tài sản của bị cáo mà chỉ là phương tiện đi lại của bị cáo và gia đình; sau khi nhận tiền từ ông T1, bị cáo cũng chưa cất giấu tiền phạm pháp vào xe ô tô thì đã bị bắt quả tang. Tòa án cấp sơ thẩm xác định chiếc xe ô tô nói trên là công cụ phương tiện phạm tội và tuyên tịch thu 1/2 giá trị của chiếc xe là không phù hợp, không đúng pháp luật, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bị cáo T và bà V;

Do đó Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bà V và đề nghị của bị cáo T, sửa Bản án sơ thẩm tuyên trả lại toàn bộ chiếc xe ô tô nói trên kèm theo Giấy tờ xe cho vợ chồng bị cáo T và bà V quản lý, sở hữu.

[4] Tiếp tục quy trừ số tiền 400.000 đồng (Bốn trăm nghìn đồng) do gia đình các bị cáo Trần Đình T và Võ Bình D nộp trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm để đảm bảo thi hành án phần án phí cho các bị cáo.

[5] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Do được chấp nhận kháng cáo nên các bị cáo Trần Đình T, Võ Bình D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hồ Thị Bích V không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm a, c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng Hình sự: Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Trần Đình T, Võ Bình D và cáo của người liên quan là bà Hồ Thị Bích V, sửa một phần bản án sơ thẩm giảm hình phạt cho các bị cáo T và D, và sửa một phần quyết định về xử lý vật chứng liên quan đến chiếc xe ô tô nhãn hiệu Hyundai Kona, màu đen, BKS: 43A-6xx.86.

1.1. Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 170; điểm c, g khoản 1 Điều 52; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt: Bị cáo **Trần Đình T 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù** về tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 25/4/2024.

1.2. Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 170; điểm c, g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt: Bị cáo **Võ Bình D 03 (ba) năm 09 (chín) tháng tù** về tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 25/4/2024.

1.3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự: Trả lại xe ô tô nhãn hiệu Hyundai Kona, màu đen, BKS: 43A-6xx.86, kèm theo giấy đăng ký xe ô tô BKS: 43A-6xx.86 cho vợ chồng Trần Đình T và Hồ Thị Bích V quản lý, sở hữu. (Vật chứng nêu trên hiện đang được Chi cục thi hành án dân sự huyện Hoà Vang, thành phố Đà Nẵng tạm giữ theo Biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 15 tháng 01 năm 2025).

2. Tiếp tục quy trừ số tiền 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0001591 ngày 30/5/2025 và số tiền 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0001592 ngày 30/5/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng do gia đình các bị cáo Trần Đình T và Võ Bình D nộp để đảm bảo thi hành án phần án phí cho các bị cáo.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án: Các bị cáo

Trần Đình T, Võ Bình D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Hồ Thị Bích V không phải chịu án phí phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm số: 11/2025/HSST ngày 11 tháng 02 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Đà Nẵng;
- Phòng HSNV – CA Tp Đà Nẵng;
- TAND huyện Hòa Vang;
- VKSND huyện Hòa Vang;
- CQCSĐT CATP Đà Nẵng;
- Chi cục THADS huyện Hòa Vang;
- Vụ GDKT I – TAND tối cao;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Trần Minh Long